

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/DS-ST**

Ngày: **08/9/2020**

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và bà Nguyễn Thị Tiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 19/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961

Địa chỉ thường trú: 13/374 Nguyễn HC, khu 8, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà Tăng Thị G, sinh năm 1944.

Địa chỉ thường trú: Số 616 Trần HD, khu 5, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Bà C có mặt; bà G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: Do bà với bà G quen biết nhau và là người cùng cư trú tại phường NC, thành phố Hải Dương nên khi bà G có nhu cầu vay tiền lo công việc riêng thì bà đã cho bà G vay tổng số tiền gốc là 95.000.000đ, cụ thể vào các ngày: Ngày 01/10/2016 âm lịch bà cho bà G vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất vay là 1,2%/tháng; Ngày 03/10/2016 âm lịch bà G vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất vay là 1,2%/tháng; Ngày 06/02/2018 âm lịch bà G vay số tiền 25.000.000đ, lãi suất vay là 1,2%/tháng và ngày 11/02/2018 âm lịch bà G vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất vay là 1,0%/tháng. Những lần bà cho bà G vay tiền nêu trên đều là do bà G tự đến nhà bà, khi bà giao tiền cho bà G nhận đủ số tiền vay thì bà G có trực tiếp

viết, ký giấy mượn tiền, vay tiền tại nhà bà. Kể từ khi bà cho bà G vay các tiền trên cho đến nay thì bà G chưa trả cho bà được đồng tiền gốc và lãi nào. Hết thời hạn cho vay, bà nhiều lần đòi nhưng bà G không trả nên bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 95.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay theo các giấy mượn tiền, vay tiền cho đến khi Tòa án xét xử vụ án. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, lúc bà G thừa nhận vay của bà tổng số tiền gốc là 95.000.000đ, sau đó bà G lại chỉ thừa nhận vay số tiền 40.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 01/10/2016 âm lịch. Còn các khoản tiền vay vào ngày 03/10/2016 âm lịch, ngày 06/02/2018 âm lịch và ngày 11/02/2018 âm lịch bà G khai không nhớ rõ có vay tiền và viết giấy mượn tiền vay tiền của bà hay không. Vì vậy, bà đã có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của bà G. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương xác định: “Chữ ký tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2016 âm lịch và Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2018 âm lịch với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra và xác định không đủ cơ sở để kết luận chữ ký đứng tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy vay tiền đề ngày 11/02/2018 âm lịch với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không. Căn cứ vào kết luận giám định này, bà tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà G về số tiền gốc 20.000.000đ được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 11/02/2018 âm lịch, lãi suất 1,0%/tháng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả số tiền nợ gốc là 75.000.000đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) và tiền lãi suất theo mức lãi suất được thỏa thuận ghi tại các giấy mượn tiền vay tiền, thời hạn tính lãi từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Đồng thời, buộc bà G phải chịu toàn bộ số tiền án phí, chi phí giám định đúng chữ viết chữ ký của bà G tại Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn là bà Tăng Thị G trình bày: Do bản thân bà hay ốm đau nên khi gặp bà C thì bà C có nói với bà là do số mệnh của bà, phải làm lễ tôn nhang đổi mệnh thì mới đỡ ốm đau nên bà đã tự nguyện nhờ bà C làm lễ cho bà, khi bà đồng ý thì bà C ứng tiền mua đồ lễ cho bà hết số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*). Do bà không có tiền mặt trả ngay một lần nên bà C bảo bà phải viết giấy mượn tiền. Mặc dù, bà viết giấy mượn tiền cho bà C nhưng bà cũng không trả được số tiền trên thì bà C lại bảo chuyển sang yêu cầu bà đóng hộ hàng ngày cho bà C. Từ đó, cứ mỗi ngày bà đóng cho bà C 800.000đ, nếu ngày nào bà không đóng được số tiền 800.000đ thì bà C cộng lại và tính lãi ngày 20.000đ/1triệu/ngày. Bà đã đóng như vậy cho bà C từ ngày viết giấy mượn tiền vào ngày 01/10/2016 âm lịch cho đến ngày 11/3/2018 âm lịch thì bà không còn khả năng trả được nữa. Bà ước tính số tiền bà đã trả

cho bà C là khoảng 70.000.000đ, số tiền này bà C chỉ tính vào tiền lãi, không trừ vào tiền gốc cho bà. Tuy nhiên, những lần trả tiền cho bà C thì bà C tự viết vào sổ sách để theo dõi, chứ bà C không ghi giấy tờ nhận tiền của bà nên bà khẳng định không có bất cứ giấy tờ, tài liệu gì chứng minh việc bà đóng số tiền nêu trên cho bà C, bà không thể cung cấp được cho Tòa án. Khi bà và bà C giao dịch, viết các giấy tờ không có ai chứng kiến, các giấy mượn tiền, vay tiền gốc do bà viết và bà ký xác nhận phần người vay tiền đều do bà C quản lý, lưu giữ. Bà không giữ bản gốc nào và bà cũng không thể cung cấp cho Tòa án được. Theo các giấy mượn tiền, vay tiền mà bà viết và ký tên xác nhận thì số tiền gốc bà còn nợ của bà C 95.000.000đ là đúng. Nhưng sau đó bà xác định chỉ vay số tiền gốc 40.000.000đ của bà C, ngoài ra bà không nhớ có vay và viết giấy mượn tiền, vay tiền nào khác với bà C hay không. Bà C khởi kiện bà số tiền gốc là 95.000.000đ và số tiền lãi của 4 giấy mượn tiền, vay tiền tính từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử thì bà xác định đã trả cho bà C tiền lãi được khoảng gần 70.000.000đ nên bà sẽ không trả bà C nữa. Tại kết luận giám định xác định “Chữ ký tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2016 âm lịch và Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2018 âm lịch là đúng chữ ký, chữ viết của bà. Đồng thời, việc bà C yêu cầu bà phải hoàn trả cho bà C số tiền chi phí giám định, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 17/KLGD ngày 23/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, thì: “Chữ ký tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2016 âm lịch và Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2018 âm lịch (*ký hiệu A1, A2*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh (*ký hiệu M1 đến M11*) là do cùng một người ký ra; Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký đứng tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy vay tiền đề ngày 11/02/2018 âm lịch (*Ký hiệu A3*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh (*ký hiệu M1 đến M11*) có phải do cùng một người ký ra hay không”.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà C đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Tăng Thị G phải trả cho bà số tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay theo thỏa thuận tại các giấy mượn tiền, vay tiền đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,2%/tháng. Căn cứ chứng minh là 03 giấy mượn tiền, vay tiền do bà Tăng Thị G viết và ký nhận mà bà đã cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, yêu cầu bà G tiếp tục phải trả lãi phát sinh của các khoản nợ theo các giấy mượn tiền, vay tiền đến khi thanh toán xong hết nợ với mức lãi suất theo qui định của pháp luật và phải hoàn trả cho bà toàn bộ số tiền chi phí giám định đúng chữ viết chữ ký của bà G tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương. Đối với giấy vay tiền đề ngày 11/02/2018 âm lịch do Phòng kỹ thuật

hình sự - Công an tỉnh Hải Dương xác định không đúng chữ ký, chữ viết của bà G thì bà tự nguyện chịu phần chi phí giám định này.

Bị đơn trình bày: Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C: Buộc bà Tăng Thị G phải trả cho bà C, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2020) = 111.622.000đ, (Trong đó tiền gốc là 75.000.000đ, tiền lãi là 36.622.000đ). Bà G tiếp tục phải trả lãi phát sinh của các khoản nợ theo các giấy mượn tiền, vay tiền đến khi thanh toán xong hết nợ với mức lãi suất theo qui định của pháp luật; Về án phí: Bà G thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu. Buộc bà G phải hoàn trả cho bà C khoản chi phí giám định các giấy đúng chữ ký chữ viết của bà G; Bà C phải chịu phần chi phí giám định không đúng chữ ký chữ viết của bà G; Đề nghị hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Tăng Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX, xét xử vụ án vắng mặt bà G theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc bà Nguyễn Thị C trình bày cho bà Tăng Thị G vay số tiền 75.000.000đ, cụ thể: Ngày 01/10/2016 âm lịch bà cho bà G vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn cho vay là 01 tháng, lãi suất vay là

1,2%/tháng; Ngày 03/10/2016 âm lịch bà cho bà G vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn cho vay là 01 tháng, lãi suất vay là 1,2%/tháng; Ngày 06/02/2018 âm lịch bà C cho bà G vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn cho vay là 03 tháng 09 ngày, lãi suất vay là 1,2%/tháng là đúng chữ viết, chữ ký của bà Tăng Thị G. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định việc giao dịch vay tiền và viết giấy mượn tiền, vay tiền giữa bà C và bà G là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Ngoài ra vào ngày 22/5/2020 tại BL 39-40 lời khai của bà G xác định “Số tiền tôi còn nợ bà C 95.000.000đ là hoàn toàn đúng”. Tuy nhiên, sau đó bà cho rằng do bản thân bà hay ốm đau nên bà C nói phải làm lễ tôn nhang đổi mệnh thì mới đỡ ốm, bà tự nguyện nhờ bà C làm lễ cho bà, khi bà đồng ý thì bà C ứng tiền mua đồ lễ làm cho bà hết số tiền 40.000.000đ, do bà không có tiền trả ngay một lần nên bà C bảo bà phải viết giấy mượn tiền. Mặc dù, viết giấy mượn tiền nhưng bà cũng không trả được số tiền trên thì bà C lại bảo chuyển sang yêu cầu bà đóng hộ hàng ngày cho bà C. Từ đó, cứ mỗi ngày bà đóng cho bà C 800.000đ, nếu ngày nào bà không đóng được số tiền 800.000đ thì bà C cộng lại và tính lãi ngày 20.000đ/1triệu/ngày, bà đã đóng cho bà C khoảng 70.000.000đ sau đó không còn khả năng trả được nữa. Nhưng tại biên bản đối chất ngày 18/6/2020 (tại BL số 65) thì bà G lại trình bày “trong 04 giấy mượn tiền, vay tiền thì giấy mượn số tiền 40.000.000đ là đúng chữ ký, chữ viết của bà, còn 03 giấy mượn tiền vay tiền còn lại bà không nhớ có vay và có viết giấy vay hay không”. Lời khai ban đầu của bà G phù hợp với lời khai của nguyên đơn về việc có đến nhà bà C để vay tiền và viết giấy mượn tiền vay tiền của bà C. Hội đồng xét xử xem xét đánh giá các giấy mượn tiền, vay tiền do bà Nguyễn Thị C giao nộp: Giấy Mượn tiền ngày 01/10/2016 âm lịch, có thể hiện người vay tiền là bà Tăng Thị G vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 1,2%/tháng; mục đích vay lo công việc cho con, thời gian vay từ 01/10/2016 âm lịch đến ngày 01/11/2016 âm lịch, ký Tăng Thị G “Tôi đã nhận đủ Bốn mươi triệu đồng chẵn”; Giấy Mượn tiền ngày 03/10/2016 âm lịch, có thể hiện người vay tiền là bà Tăng Thị G vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn), lãi suất 1,2%/tháng; mục đích vay lo công việc cho con, thời gian vay từ 03/10/2016 âm lịch đến ngày 03/11/2016 âm lịch, ký Tăng Thị G “Tôi đã nhận đủ Mười triệu đồng chẵn”; Giấy Mượn tiền ngày 06/02/2018 âm lịch, có thể hiện người vay tiền là bà Tăng Thị G vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn), lãi suất 1,2%/tháng; mục đích vay kinh doanh, thời gian vay từ 06/02/2018 âm lịch đến ngày 15/5/2018 âm lịch, ký Tăng Thị G “Tôi đã nhận đủ hai mươi năm triệu đồng chẵn”. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tăng Thị G có cung cấp tài liệu là giấy mượn tiền ngày 01/10/2016 âm lịch và ngày 03/10/2016 âm lịch và xác định nội dung tại giấy mượn tiền, vay tiền này là đúng. Mặt khác, tại kết luận giám định số 17/KLGĐ ngày 23/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự -

Công an tỉnh Hải Dương, xác định: “Chữ ký tên Tăng Thị G tại mục “Người vay tiền” trên Giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2016 âm lịch và Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2018 âm lịch (*ký hiệu A1, A2*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh (*ký hiệu M1 đến M11*) là do cùng một người ký ra. Do vậy, việc bà C và bà G giao dịch vay tiền mặt được thể hiện tại 03 giấy mượn tiền, vay tiền nêu trên tại nhà bà C hoàn toàn phù hợp với ý chí của hai bên, là giao dịch dân sự hợp pháp phù hợp với qui định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự. Đến thời hạn phải thanh toán do hai bên thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. HĐXX xác định yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn số tiền nợ gốc 75.000.000đ thể hiện tại 03 giấy mượn tiền, vay tiền là có căn cứ theo qui định tại Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[3] *Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng chẵn*). Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[4] *Về số tiền lãi chưa thanh toán*: Nguyên đơn xác định cho bị đơn vay tiền có tính lãi, mức lãi suất được ghi tại các giấy mượn tiền, vay tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên giao dịch vay và viết giấy vay tiền có thỏa thuận về lãi suất vay tại giấy mượn tiền, vay tiền. Vì bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi nào nên số tiền lãi phát sinh như sau: Tiền lãi từ ngày vay 01/10/2016 âm lịch (*trương ứng với 31/10/2016 dương lịch*) đến hết ngày 21/7/2020 âm lịch (*trương ứng với ngày 08/9/2020 dương lịch*) = 40.000.000đ x 1,2%/tháng x 46 tháng 08 ngày = 22.208.000đ; Tiền lãi từ ngày vay 03/10/2016 âm lịch (*trương ứng với 02/11/2016 dương lịch*) đến hết ngày 21/7/2020 âm lịch (*trương ứng với ngày 08/9/2020 dương lịch*) = 10.000.000đ x 1,2%/tháng x 46 tháng 06 ngày = 5.544.000đ; Tiền lãi từ ngày vay 06/02/2018 âm lịch (*trương ứng với 23/03/2018 dương lịch*) đến hết ngày 21/7/2020 âm lịch (*trương ứng với ngày 08/9/2020 dương lịch*) = 25.000.000đ x 1,2%/tháng x 29 tháng 17 ngày = 8.870.000đ. Tổng lãi đến 08/9/2020 là: **36.622.000đ** (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng*). Tại phiên tòa, bà C cũng trình bày số tiền lãi chưa được thanh toán là 36.622.000đ. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C kiện đòi bà Tăng Thị G số tiền lãi chưa thanh toán tính từ ngày vay đến ngày xét xử = 36.622.000đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] *Những vấn đề khác*: Việc bà Tăng Thị G chỉ thừa nhận có vay của bà C số tiền 40.000.000đ vào ngày 01/10/2016 âm lịch và bà đã trả bà C tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 11/3/2018 âm lịch là khoảng 70.000.000đ, do bà

không có khả năng trả tiếp thì bà C được nữa thì bà C yêu cầu bà chuyển sang đóng hộ hàng ngày, mỗi ngày bà phải đóng cho bà C 800.000đ, nếu ngày nào không đóng được 800.000đ thì bà C cộng lại và tính lãi 20.000đ/01 triệu/ngày. Tuy nhiên, bà G không chứng minh cho lời trình bày của mình, khẳng định không có ai chứng kiến và không có tài liệu gì chứng minh cho việc bà G đã trả tiền lãi cho bà C. Bà G là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có thể nhận thức và hiểu rõ nội dung tại các giấy mượn tiền, vay tiền với bà C nên việc bà G trình bày như trên là không có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng bà Tăng Thị G thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp. Bà Nguyễn Thị C được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

[7] *Về chi phí giám định*: Tổng số tiền chi phí giám định đối với 03 giấy mượn tiền, vay tiền hết số tiền là 3.000.000đ (*Ba Triệu đồng chẵn*); trong đó xác định Giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2016 âm lịch và Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2018 âm lịch là đúng chữ ký chữ viết của bà G nên buộc bà G phải chịu số tiền 2.000.000đ là phù hợp; 01 Giấy vay tiền đề ngày 11/02/2018 âm lịch xác định không đủ cơ sở để kết luận chữ ký đứng tên Tăng Thị G nên buộc bà C phải chịu số tiền 1.000.000đ là đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc Tăng Thị G phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là **111.622.000đ** (*Một trăm mười một triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn*), (*Trong đó tiền nợ gốc là 75.000.000đ, tiền nợ lãi là 36.622.000đ*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Bà Tăng Thị G phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.581.100đ (*Năm triệu năm trăm tám mươi một ngàn một trăm đồng*), nhưng bà G thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn số tiền án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội.

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền 2.375.000đ đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001047 ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

2.3. Buộc bà Tăng Thị G phải chịu và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*) chi phí giám định theo kết luận giám định số 17/KLGĐ ngày 23/7/2020 và phiếu thu ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương;

2.4. Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng chẵn*) chi phí giám định theo kết luận giám định số 17/KLGĐ ngày 23/7/2020 và phiếu thu ngày 24/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn (bà C) có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn (bà G) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

N-i nhĒn:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án TPHD.

**Tm. Héi @ảng xĐt xĐ s-
thĒm
ThĒm ph,n- Chñ to¹
phi^an toạ**

Trương Thị Tố Uyên